TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/KDTM-ST
Ngày 18/8/2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng

Bà Nguyễn Minh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 65/2025/TLST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2024/QĐXXST- KDTM-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 79 ngày 01/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q1**

Trụ sở: Tầng A (Tầng T) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số A P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đinh Thị Hồng G, ông Hoàng Quang T và bà Trịnh Minh T1 (Giấy ủy quyền số 285906.24 ngày 11/12/2024), ông Lý Quốc V1 (Văn bản ủy quyền số 219499.25 ngày 01/8/2025); Địa chỉ liên hệ: Tầng A, tòa nhà C, số D T, phường K, thành phố Hà Nội. Có mặt ông Lý Quốc V1.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần V2

Trụ sở: Số A phố C, phường Ô, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Ngọc Q – Giám đốc; Nơi thường trú: Số A phố C, phường Ô, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (sau đây viết tắt là V3) cho Công ty Cổ phần V2 (sau đây viết tắt là Công ty V2) vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 5.1142.17.866 ngày 27/6/2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5.1142.17.866 ngày 27/6/2017: Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty V2 số tiền vay: 705.600.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm linh năm triệu sáu trăm ngàn đồng*); Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,99%/năm, phù hợp với các quy định của Pháp luật, Ngân hàng N và chính sách của V3 tại từng thời kỳ. Mục đích vay: Mua xe ô tô.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Công ty cổ phần V2 và Ngân hàng TMCP Q1 đã ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 5.1142.17.866 ngày 27/6/2017. Tài sản bảo đảm được thể hiện tại phụ lục của Hợp đồng tín dụng là: Xe ô tô nhãn hiệu Ford, loại xe: Ô tô tải pickup cabin kép, số khung: MNCUMFF50HW722431, số máy: P5AT2437675, màu sơn: Đỏ cam, biển kiểm soát 29C-673.50, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 326914 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 27/6/2017 cho Công ty cổ phần V2. Tài sản trên đã được Công ty V2 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội ngày 27/6/2017, Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh L đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/6/2017 trên hệ thống đăng ký trực tuyến – Cục đăng ký giao dịch bảo đảm và bồi thường nhà nước – Bộ Tư pháp, trạng thái: Đã duyệt.

Sau khi ký kết, V3 đã thực hiện giải ngân cho Công ty Cổ phần V2 đúng theo thỏa thuận tại HĐTD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần V2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay của Công ty Cổ phần V2 bị phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 25/01/2019.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, V3 đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần V2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên Công ty Cổ phần V2 không thực hiện. Kể từ khi giải ngân khoản vay cho đến ngày 11/12/2024, tổng số tiền Công ty Cổ phần V2 đã thanh toán cho ngân hàng là: 287.658.562 đồng (*Hai trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc: 197.372.938 đồng, nợ lãi 90.285.624 đồng.

Dư nợ của Công ty Cổ phần V2 tạm tính đến ngày 18/8/2025 là 1.211.404.941 đồng (trong đó nợ gốc là 508.227.062 đồng, nợ lãi trong hạn là 200.609.929 đồng, nợ lãi quá hạn 502.567.950 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP Q1 đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu như sau:

1. Buộc Công ty Cổ phần V2 phải trả ngay cho VIB toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 18/8/2025 là: 1.211.404.941 đồng (Một tỷ, hai trăm mười một triệu bốn trăm linh bốn nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 508.227.062 đồng, nợ lãi trong hạn là 200.609.929 đồng, nợ lãi quá hạn 502.567.950 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần V2 tiếp tục trả cho VIB các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký trong thời gian kể từ ngày 19/8/2025 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. VIB được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm trên để xử lý thu hồi nợ nếu Công ty Cổ phần V2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa án Nhân dân có thẩm quyền.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V3. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V3.

Về án phí: Ngân hàng TMCP Q1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nội dung trên Ngân hàng không yêu cầu Tòa giải quyết nội dung nào khác.

*** Bị đơn Công ty TNHH V2 do ông Đỗ Ngọc Q** là đại diện theo pháp luật đã được Tòa án giao cho Văn phòng thừa phát lại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty V2 đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng Công ty V2 do ông Đỗ Ngọc Q đai diện theo pháp luật không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Do vậy, việc cho Công ty V2 làm bản tự khai, tiến hành lấy lời khai đối chất giữa các đương sự cũng như việc tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải không tiến hành được.

Do bị đơn không đến tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nên tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Bị đơn Công ty V2 do ông Đỗ Ngọc Q đại diện theo pháp luật vẫn vắng mặt không có lí do.

Đại diện Ngân hàng TMCP Q1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần V2 phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 18/8/2025 là 1.211.404.941 đồng, trong đó nợ

gốc là 508.227.062 đồng, nợ lãi trong hạn là 200.609.929 đồng, nợ lãi quá hạn 502.567.950 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp ký giữa Ngân hàng TMCP Q1 với Công ty cổ phần V2 đã có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1. Buộc Công ty cổ phần V2 có trách nhiệm thanh toán trả cho V3 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 18/8/2025 là 1.211.404.941 đồng, trong đó nợ gốc là 508.227.062 đồng, nợ lãi trong hạn là 200.609.929 đồng, nợ lãi quá hạn 502.567.950 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 19/8/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Chấp nhận yêu cầu tuyên khi án có hiệu lực pháp luật Công ty cổ phần V2 không thanh toán được khoản tiền nợ gốc, lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thực hiện việc thi hành án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Công ty cổ phần V2 vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo thủ tục chung.

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng số 5.1142.17.866 ngày 27/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q1 và Công ty cổ phần V2 là hai doanh nghiệp được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Mục đích của bên V3 cho vay tiền để hưởng lợi nhuận. Mục đích sử dụng vốn vay của Công ty V2 để Mua xe ô tô phục vụ cho hoạt động kinh doanh nhằm phát sinh lợi nhuận nên xác định đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty cổ phần V2 có trụ sở chính tại: Số A phố C, phường Ô, thành phố Hà Nội. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu

vực 2 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần V2 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 508.227.062 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm linh tám triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng*). Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng số 5.1142.17.866 ngày 27/6/2017 được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật, người ký hợp đồng có thẩm quyền ký kết do vậy Hợp đồng tín dụng phát sinh hiệu lực.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 28/6/2017 Ngân hàng TMCP Q1 đã giải ngân cho Công ty Cổ phần V2 số tiền **705.600.000** (*Bằng chữ: Bảy trăm linh năm triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần V2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 197.372.938 đồng (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng*). Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, bản sao kê quá trình thanh toán. Đủ cơ sở xác định Công ty Cổ phần V2 còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 số tiền nợ gốc 508.227.062 đồng (*Năm trăm linh tám triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng*). Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần V2 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn 200.609.929 đồng, nợ lãi quá hạn 502.567.950 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại mục 1.4 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân, phương pháp tính lãi được quy định tại từng đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Tại điểm 6 của đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/6/2017 hai bên thỏa thuận: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,99%/năm, tại điểm g mục 1.4 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng hai bên thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất đang được áp dụng cho khoản tín dụng. Khoản vay của Công ty cổ phần V2 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/01/2019. Như vậy, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng và văn bản nhận nợ cũng như bản giải trình cách tính lãi suất và các quyết định điều chỉnh lãi suất do Ngân hàng xuất trình, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "Lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật", tại khoản 2 Điều 11, Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN quy định: "Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận đối với khách hàng trong Hợp đồng tín dụng

không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng" và tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận và buộc Công ty Cổ phần V2 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q1 toàn bộ số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn do chậm trả gốc tính từ ngày vi phạm tạm tính đến ngày 18/8/2025 là 703.177.879 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm linh ba triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng*).

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi Công ty cổ phần V2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 là: 1.211.404.941 đồng.

[4]. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty Cổ phần V2 không thực hiện nghĩa vụ thanh cho Ngân hàng TMCP Q1 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm trên để xử lý thu hồi nợ. **Xét thấy**: Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ngày 27/6/2017, được ký kết giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q1 – Chi nhánh L với bên thế chấp là Công ty cổ phần V2 thể hiện ý chí tự nguyện của các bên khi tham gia ký kết. Tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp. Nội dung thỏa thuận tại các Hợp đồng thế chấp không trái quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp đã được bên thế chấp đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên Hợp đồng thế chấp nêu trên phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký.

Theo thỏa thuận tại Điều 9 xử lý tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ngày 27/6/2017 thể hiện: ".. *Bên vay không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán hoặc xác nhận là không có khả năng thanh toán bất cứ khoản tiền nào đến hạn phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng khi được bên cho vay yêu cầu, hoặc bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng này…Khi xảy ra một sự kiện vi phạm, bên cho vay có toàn quyền lựa chọn một hoặc nhiều phương thức trong các phương thức xử lý tài sản bảo đảm mà không phụ thuộc vào sự đồng ý của của bên thế chấp* …". Do Công ty Cổ phần V2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã Thông báo nợ quá hạn cho Công ty V2, nhưng Công ty V2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q1 đề nghị Tòa án tuyên: khi án có hiệu lực pháp luật Công ty CP V2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì Ngân hàng TMCP Q1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Tài sản bảo đản của Công ty Cổ

phần V2 thể hiện tại phụ lục 1 của Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải là: Xe ô tô nhãn hiệu Ford, loại xe: Ô tô tải pickup cabin kép, số khung: MNCUMFF50HW722431, số máy: P5AT2437675, màu sơn: Đỏ cam, biển kiểm soát 29C-673.50, giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 326914 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 27/6/2017 cho Công ty cổ phần V2.

[5].Về án phí: Ngân hàng TMCP Q1 được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty Cổ phần V2 phải chịu án phí KDTM sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của V3 được chấp nhận với mức thu theo quy định tại danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án là (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ vào Điều 90, 91; Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng (được sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc Ngân hàng N về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng vay.

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1 đối với Công ty Cổ phần V2.

- Xác nhận Công ty Cổ phần V2 còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 số tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số 5.1142.17.866 ngày 27/6/2017, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/6/2017 tạm tính đến ngày 18/8/2025 là: 1.211.404.941 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, chín trăm bốn mươi mốt đồng*) (trong đó nợ gốc là 508.227.062 đồng, nợ lãi là 200.609.929 đồng, nợ lãi quá hạn 502.567.950 đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần V2 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.211.404.941 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, chín trăm bốn mươi mốt đồng*).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, trường hợp hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Q1 thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Q1.

- Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty cổ phần V2 không thanh toán được số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Q1 thì Ngân hàng TMCP Q1 có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nêu trên.

Tài sản bảo đản của Công ty Cổ phần V2 thể hiện tại phụ lục 1 của Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải là: Xe ô tô nhãn hiệu Ford, loại xe: Ô tô tải pickup cabin kép, số khung: MNCUMFF50HW722431, số máy: P5AT2437675, màu sơn: Đỏ cam, biển kiểm soát 29C-673.50, Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 326914 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 27/6/2017 cho Công ty cổ phần V2.

- Về án phí: Công ty Cổ phần V2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 48.342.148 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng*) (chưa nộp).

Ngân hàng TMCP Q1 không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 22.732.037 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn không trăm ba mươi bảy đồng*)

tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026311 ngày 11/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của Nguyên đơn, vắng mặt đại diện bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
Đương sự
- VKSND cùng cấp.
- Thi hành án khu vực 2
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA